

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**BÀN THỊ TRANG**

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ  
VÙNG TRƯỜNG SƠN - TÂY NGUYÊN  
TẠI LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ  
VĂN HÓA  
Khóa 7 (2017 – 2019)**

**Hà Nội, 2019**

**CÔNG TRÌNH NÀY ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THIỆN TẠI TRƯỜNG SƯ  
PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Võ Quang Trọng**

Phản biện 1: **PGS.TS. Bùi Quang Thanh**

Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia  
Việt Nam

Phản biện 2: **GS.TS. Lê Hồng Lý**

Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn  
Lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ tại trường  
ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

Vào hồi: 8h30 ngày 13 tháng 08 năm 2019

*Có thể tìm hiểu luận văn tại: Thư viện Trường Đại học Sư phạm Nghệ  
thuật Trung ương*

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Văn hóa vật thể và phi vật thể được coi là hai bộ phận hữu cơ cấu thành kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Giá trị của các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, đó là những giá trị tiêu biểu, bền vững, phản ánh sức sống của từng dân tộc. Trong đó, văn hóa vật thể là một bộ phận của văn hoá dân tộc, góp phần tạo ra những giá trị văn hóa cao trong nền văn hóa của dân tộc, đặc biệt là trong nền văn hóa tinh thần cho con người nếu biết tận dụng và phát huy một cách toàn diện.

Vùng Trường Sơn - Tây Nguyên chứa đựng kho tàng di sản văn hóa vật thể hết sức phong phú, đa dạng. Di sản văn hóa này không chỉ tiêu biểu cho bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở vùng đất này, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam.

Không gian văn hóa vật thể của cộng đồng 54 dân tộc anh em được phục dựng tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa của 54 dân tộc nói chung và của cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói riêng, đồng thời nó đã trở thành sản phẩm du lịch hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước. Tuy nhiên, trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể của cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên ở đây vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập nhất định do nhiều nguyên nhân. Với những lý do đó, tác giả chọn đề tài: “*Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam*” để nghiên cứu.

### 2. Lịch sử nghiên cứu

Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vật thể trong nền văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và vùng Trường Sơn – Tây Nguyên nói riêng đã có nhiều tài liệu sách, báo, tạp chí, luận văn, luận án đề cập đến.

Những công trình nghiên cứu về vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung và nhà ở, nhà mồ nói riêng lần lượt được xuất bản: *Nhà rông các dân tộc Bắc Tây Nguyên*, tác giả Nguyễn Khắc Tụng - Nguyễn Hồng Giáp, Nxb, Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 1991; *Văn hóa, xã hội và con người Tây Nguyên*, Nguyễn Tấn Đắc, Nxb, Khoa học xã hội xuất bản năm 2005; *Nhà ở của người Triêng ở Việt Nam*, tác giả Phạm Văn Lợi, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2010,...

Các công trình nghiên cứu kể trên đã trình bày khá cụ thể các phong tục tập quán, nghi lễ truyền thống, sự đa dạng về các công trình kiến trúc

dân gian: nhà rông, nhà ở, nhà mồ và đã chỉ ra được các giá trị văn hóa của các loại hình di sản vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

Các công trình nghiên cứu về Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam, có thể kể đến: Luận văn *Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (Đông Mô - Sơn Tây - Hà Nội)* (2016), Trường Đại học Sư Phạm Nghệ thuật Trung ương, của tác giả Lê Ngọc Tuấn; Luận văn *Tái hiện văn hóa tộc người tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (qua trường hợp người Ba Na)* (2017), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tác giả Nguyễn Thị Minh Thư...

Nhìn chung, cho đến thời điểm tác giả nghiên cứu chưa có công trình nào đề cập toàn diện, chuyên sâu về hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Mặc dù vậy, các công trình nghiên cứu trên đây là nguồn tài liệu quý giá giúp tác giả kế thừa có chọn lọc những thông tin phù hợp để triển khai nghiên cứu đề tài này.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Đánh giá thực trạng và đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu những vấn đề chung về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể của 18 dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

- Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

- Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: Tại Khu các làng dân tộc 2, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam (Đông Mô, Sơn Tây, Hà Nội).

- Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu, tìm hiểu việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn

hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam từ khi mở cửa đưa vào hoạt động đón khách từ (năm 2010) đến nay.

- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể thông qua nhà ở và nhà mồ của 18 dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên được phục dựng tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp phân tích, tổng hợp và hệ thống tài liệu: Trên cơ sở tài liệu thu thập được để tổng hợp, phân tích và rút ra những kết luận.

- Phương pháp điền dã, nghiên cứu thực địa: Đây là phương pháp truyền thống đạt hiệu quả cao trong việc thu thập thông tin, số liệu trên địa bàn nghiên cứu.

- Phương pháp tiếp cận nghiên cứu liên ngành: Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã kết hợp phương pháp tiếp cận của các ngành như: văn hoá học, bảo tàng học... để triển khai nghiên cứu đối tượng của luận văn.

### **6. Những đóng góp của luận văn**

- Luận văn góp phần chỉ ra được những mặt ưu điểm, hạn chế về việc bảo tồn, phát huy văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam để từ đó có định hướng phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

- Kết quả nghiên cứu về thực trạng cũng như các nhóm giải pháp mà luận văn đưa ra là một trong những cơ sở khoa học giúp các cấp lãnh đạo của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam có giải pháp phù hợp trong việc đổi mới, nâng cao công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam.

- Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo về công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và các độc giả muốn tìm hiểu về văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên.

### **7. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề chung về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể và Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

*Chương 2:* Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

*Chương 3:* Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY**  
**GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ VÀ LÀNG**  
**VĂN HÓA – DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

**1.1. Một số khái niệm**

**1.1.1. Văn hóa**

Theo UNESCO:

Văn hóa nên được đề cập đến như là một tập hợp của những đặc trưng về tâm hồn, vật chất, tri thức và xúc cảm của một xã hội hay một nhóm người trong xã hội và nó chứa đựng, ngoài văn học và nghệ thuật, cả cách sống, phương thức chung sống, hệ thống giá trị, truyền thống và đức tin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần:

Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

**1.1.2. Văn hóa vật thể**

Theo Điều 4, *Luật Di sản văn hóa* thì: “Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia” [21].

**1.1.3. Giá trị**

Trong cuốn *Từ điển Bách Khoa Việt Nam*, giá trị được định nghĩa là:

Phạm trù triết học, xã hội học chỉ tính có ích, có ý nghĩa của những sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội có khả năng thỏa mãn nhu cầu, phục vụ lợi ích của con người. Ở đây, các sự vật, hiện tượng được xem xét dưới góc độ đáng hay không đáng mong muốn, có ý nghĩa tích cực hay không đối với đời sống xã hội.

**1.1.4. Giá trị văn hóa vật thể**

Văn hóa vật thể quan tâm nhiều đến chất lượng và đặc điểm của đối tượng thiên nhiên, đến hình dáng vật chất, khiến những vật thể và chất liệu tự nhiên thông qua sáng tạo của con người biến thành những sản phẩm vật chất giúp cho cuộc sống của con người. Di sản văn hóa vật thể được con người nhận thức, cảm nhận bằng nhiều giác quan, vì vậy nó cũng dễ dàng được đánh giá hơn.

### **1.1.5. Bảo tồn**

*Luật Di sản văn hóa* Việt Nam định nghĩa: “Bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh di vật, bảo vật, cảnh vật quốc gia là hoạt động phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

### **1.1.6. Phát huy**

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, Phát huy là “làm cho cái hay, cái tốt tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở thêm”.

## **1.2. Nội dung bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Đối với di sản văn hóa nhà ở và nhà mồ vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam việc bảo tồn là kế thừa lại những giá trị tiêu biểu đặc sắc như; kiến trúc xây dựng, nguyên vật liệu, nghi lễ truyền thống gắn với không gian nhà ở, nhà mồ.

Không gian nhà ở, nhà mồ phát huy là tiến hành các biện pháp, cách thức thích hợp để làm tỏa sáng tối ưu những giá trị văn hóa, giá trị tâm linh hàm chứa trong đó để đem lại những lợi ích thiết thực cho chủ thể văn hóa cũng như Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam góp phần vào việc thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Nói chung bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là khôi phục, tái hiện giữ gìn cái hay, cái đẹp có tính cách riêng biệt, độc đáo của không gian kiến trúc nhà ở, nhà mồ, làm cho mọi người đều cảm nhận được cái hay, nét đẹp đó, có ý thức giữ gìn, trân trọng, nâng niu và tự hào về văn hóa dân tộc, quê hương đất nước.

## **1.3. Văn bản pháp lý của Đảng và Nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa**

### **1.3.1. Văn bản của Đảng**

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đặc biệt quan tâm tới vấn đề văn hoá cũng như việc gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Qua các kì đại hội từ khi đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước đã đưa ra rất nhiều Cương lĩnh, Nghị quyết, Chính sách phù hợp tác động tích cực đến sự phát triển văn hóa.

Ngày 23 tháng 11 năm 1945, sau khi đất nước giành được độc lập, Chủ tịch Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã ký *Sắc lệnh số 65/SL “Ấn định nhiệm vụ của Đông Phương bác cổ học viện”* - Sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta về việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, Hội nghị lần thứ 5 đã ban hành *Nghị quyết số 03/NQ-TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị định Số 98/2010/NĐ-CP* của Chính phủ năm 2010 quy định về di sản văn hóa phi vật thể và vật thể. Ngày

9/6/2014, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành *Nghị quyết số 33-NQ/TW về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của di sản được thể hiện qua các văn bản pháp lý, đường lối chính sách về giữ gìn và phát triển văn hóa đây chính là những văn bản quan trọng tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của nước ta trong thời kì đổi mới và phát triển.

### **1.3.2. Văn bản của Nhà nước**

*Luật Di sản văn hóa* ban hành năm 2001 và *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa* năm 2009 đã cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, mở rộng phạm vi điều chỉnh cả di sản văn hóa phi vật thể là một vấn đề được nhiều quốc gia đề cập tới.

Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu và vận dụng sáng tạo 5 quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, trong đó có nhiệm vụ bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc.

Ngày 21/8/1997, Thủ tướng Chính phủ ra *Quyết định số 667/TTg* ngày 21/8/1997 về *phê duyệt Quy hoạch tổng thể Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam*. Ngày 15/09/2010, Thủ tướng Chính phủ ra *Quyết định số 1689/QĐ-TTg* về *việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam*.

## **1.4. Tổng quan vùng Trường Sơn – Tây Nguyên**

### **1.4.1. Vùng Trường Sơn - Tây Nguyên**

Theo địa lý hành chính hiện nay, Tây Nguyên có 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

Trong cuốn *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, tác giả Ngô Đức Thịnh coi vùng này là địa bàn sinh tụ của trên hai mươi tộc người nói các ngôn ngữ thuộc hệ Môn – Khome và Nam Đảo, trong đó các tộc lớn như Ba Na, Xơ Đăng, Mnông, Mạ, Cơ Ho, Êđê, Gia rai là các tộc bản địa lâu đời ở Trường Sơn – Tây Nguyên. Trường Sơn - Tây Nguyên là một vùng có nhiều tộc người nhưng lại thống nhất về đặc trưng văn hóa.

### **1.4.2. Cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên**

Không gian văn hóa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên được phục dựng lại tại khu các làng dân tộc 2 với diện tích hơn 13ha bao gồm không gian kiến trúc văn hóa, cảnh quan của 18 dân tộc như: Ba Na, Bru-Vân Kiều, Tà Ôi, Mnông, Mạ, Xơ Đăng, Giẻ-Triêng, Xtiêng, Rơ Măm, Hrê, Cờ



Ho, Co, Raglai, Gia rai, Êđê, Cơ Tu, Brâu, Chứt với hệ ngôn ngữ Môn – Khmer và Nam Đảo.

### **1.4.3. Nhà ở và nhà mồ - nét văn hóa vật thể đặc sắc vùng Trường Sơn – Tây Nguyên**

Kiến trúc nhà ở và nhà mồ chính là nét đặc trưng cơ bản nhất của văn hóa vật thể cộng đồng các dân tộc ở Trường Sơn – Tây Nguyên nói chung. Nhà ở, là một kiến trúc đặc sắc, sản phẩm tiêu biểu của cộng đồng dân tộc, thích ứng với môi trường thiên nhiên, tránh thiên tai, thú dữ, bảo vệ sự sống còn của con người. Không gian nhà cũng là nơi diễn ra các hoạt động sinh hoạt gắn với văn hóa tộc người: Nghi lễ - lễ hội văn hóa công chiêng phục vụ tín ngưỡng, văn hóa, sử thi, dân ca, dân vũ... tạo nên nét đời sống sinh hoạt giàu bản sắc, thể hiện quan niệm sinh tồn, hoài bão, ước mơ của cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn – Tây Nguyên.

## **1.5. Vài nét về Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam**

### **1.5.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Ý tưởng đầu tiên cho sự ra đời của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là cuối năm 1988 đầu năm 1989, do Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và UBND thành phố Hà Nội đề xuất.

Ngày 26/9/1992, Văn phòng Chính phủ có *Công văn số 4375/KG nêu yêu cầu về việc cần kết hợp thêm mục đích du lịch cho Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam*. Do đó, ngày 19/10/1992, Bộ Văn hóa - Thông tin cùng với UBND thành phố Hà Nội gửi *Công văn số 3387/VX-UB báo cáo Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh nội dung cuộc họp giữa Bộ Văn hóa - Thông tin và UBND thành phố Hà Nội về việc thống nhất xây dựng Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam*.

Ngày 05/4/1993, Bộ Văn hóa - Thông tin ra *Quyết định 503-TC/QĐ thành lập Ban chuẩn bị đầu tư với nhiệm vụ xây dựng Đề án chung tay xây dựng Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam*. Ban Chuẩn bị đầu tư đã làm việc với Hội Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian về nội dung văn hóa dân tộc của dự án và đã tổ chức “trung cầu ý tưởng” quy hoạch Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Ngày 21/8/1997, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt ký *Quyết định số 667/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam*. Ngày 16/6/1999, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam chính thức được thành lập tại *Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*. Ngày 03/10/1999, Dự án Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam chính thức được khởi công xây dựng. Ngày 19/9/2010 để cùng góp phần vào Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chính thức mở cổng đón khách trong nước và quốc tế tới tham quan.

### **1.5.2. Mục đích xây dựng**

Trong Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 21/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam:

Xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam thành một trung tâm hoạt động văn hóa mang tính quốc gia, tập trung tái hiện, gìn giữ, phát huy và khai thác các di sản văn hóa truyền thống của 54 dân tộc anh em, giới thiệu với nhân dân cả nước và khách quốc tế; đáp ứng các nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh, hoạt động thể thao, dưỡng sinh, văn nghệ. Thông qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn và đậm đà bản sắc dân tộc, tiến hành việc giáo dục tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người, nâng cao dân trí và hoàn thiện con người theo hướng chân thiện mỹ, đồng thời đem lại nguồn thu, tiến tới thu hồi một phần vốn, duy tu và phát triển Làng Văn hóa - Du lịch.

### **1.5.3. Quy mô**

Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam với tổng diện tích 1.544 ha trong đó có hơn 900 ha diện tích mặt nước hồ Đồng Mô và hơn 600 ha diện tích mặt đất. Chia thành 7 phân khu chức năng khác nhau: Khu các làng dân tộc; Khu Di sản văn hóa thế giới; Khu trung tâm văn hóa và vui chơi giải trí; Khu công viên bến thuyền; dịch vụ, du lịch tổng hợp; Khu cây xanh mặt nước hồ Đồng Mô; Khu Quản lý điều hành văn phòng.

### **1.6. Sự cần thiết phải bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên**

Di sản văn hóa vật thể chính là cảnh đẹp của đất nước, là truyền thống, tài sản của dân tộc. Biết giữ gìn di sản văn hóa là góp phần làm đẹp thêm bản sắc dân tộc, làm phong phú và đa dạng thêm cho kho tàng di sản văn hóa thế giới. Qua di sản văn hóa ta sẽ thấy được trí tuệ sáng tạo của cha ông, để từ đó thêm tự hào về bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Chính vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể là việc làm cần thiết và cấp bách cho các nhà quản lý văn hóa.

### **1.7. Vai trò của việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.**

Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là không gian hội tụ, mô hình tập trung thu nhỏ có chức năng biểu đạt tượng trưng những giá trị văn hóa tiêu biểu nhất của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam. Quy hoạch tổng thể Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam thể hiện rõ tính đặc thù của một dự án kinh tế - văn hóa: một mặt bảo tồn văn hóa để phục vụ du lịch; mặt khác tổ chức dịch vụ du lịch nhằm bảo tồn văn hóa. Hai nội dung này có mối quan hệ hữu cơ không thể tách rời trong quá

trình đầu tư xây dựng cũng như vận hành, khai thác, đồng thời thể hiện rõ tính xã hội hóa trong công tác bảo tồn văn hóa.

Vai trò của văn hóa vật thể được thể hiện trong các loại hình văn hóa phi vật thể: lễ hội, tục cưới, trong văn hóa tâm linh... Trong các sinh hoạt văn hóa ấy, không gian kiến trúc nhà ở, nhà mồ là một thành tố không thể thiếu. Nó tồn tại như một thực thể khách quan theo nhu cầu của xã hội, của đời sống cộng đồng.

### ***Tiểu kết***

Chương 1 luận văn trình bày một số vấn đề chung, trong đó làm rõ một số khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Các văn bản của Đảng và Nhà nước về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Trong chương này, luận văn đã đưa ra được nội dung bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa; nêu một số nét cơ bản về Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam; sự cần thiết bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên; nêu vai trò quan trọng của việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ CÁC DÂN TỘC VÙNG TRƯỜNG SƠN – TÂY NGUYÊN TẠI LÀNG VĂN HÓA – DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

#### 2.1. Các giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên

##### 2.1.1. Giá trị sử dụng

Nhà ở được tạo ra để con người có nơi cư trú, sinh sống mang tính ổn định tương đối lâu dài của các thành viên trong gia đình. Nhà ở còn có tác dụng bảo vệ con người tránh được thú dữ, tránh mưa, nắng, nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động và là nơi con người tiến hành một số hoạt động sản xuất và hoạt động văn hóa tinh thần.

##### 2.1.2. Giá trị văn hóa

Trong tất cả những yếu tố văn hóa kể cả vật chất và tinh thần của một tộc người, nhà ở luôn là yếu tố chứa đựng, biểu hiện văn hóa của một tộc người rõ ràng cụ thể nhất, nó chứa đựng những quan điểm riêng biệt của từng dân tộc.

##### 2.1.3. Giá trị nghệ thuật

Nhắc đến giá trị nhà ở chúng ta không chỉ nhắc đến giá trị thực tiễn, giá trị văn hóa, hay nhiều giá trị khác mà không nhắc đến giá trị nghệ thuật. Nhà ở truyền thống của các dân tộc vùng Trường Sơn – Tây Nguyên thể hiện sự khéo léo và sáng tạo của con người. Dù không có một bản vẽ thiết kế nào, nhưng những ngôi nhà vẫn nhanh chóng được dựng lên một cách vững chãi, thách thức mưa nắng, bão bùng.

##### 2.1.4. Giá trị tâm linh

Nhà mồ của một số dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên thể hiện rõ nét giá trị tâm linh của loại hình di sản văn hóa vật thể của các tộc người nơi đây. Nhà mồ luôn gắn liền với lễ bỏ mả và là trung tâm của lễ thức lớn nhất và quan trọng nhất trong xã hội cổ truyền của một số dân tộc vùng Trường Sơn – Tây Nguyên. Nhà mồ là nơi để người đã mất trú ngụ. Hồn của những người chết sẽ hóa thành thần giúp đỡ cho dân làng đoàn kết và gặp nhiều điều lành, mùa màng bội thu, sức khỏe dồi dào...

#### 2.2. Chủ thể quản lý và cơ chế phối hợp

##### 2.2.1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Ngày 19/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ra *Nghị định 79/2017/NĐ-CP về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan quản lý trực tiếp đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam. Ban hành các thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và các

dự án, công trình quan trọng đã được ban hành hoặc phê duyệt tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

### **2.2.2. Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam**

Về chức năng: thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ: Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt hoặc ban hành: Quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam; Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam phù hợp với điều kiện phát triển thực tế trong từng thời kỳ.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam gồm có: 01 Trưởng ban và không quá 3 Phó Trưởng ban; 8 đơn vị trực thuộc [55]. Lãnh đạo Ban hiện nay gồm có: 02 Phó Trưởng ban ông Phạm Văn Quyến, Ông Trịnh Ngọc Chung.

Các đơn vị trực thuộc: Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đến thời điểm tác giả khảo sát gồm có 9 đơn vị trực thuộc.

### **2.2.3. Cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – du lịch các dân tộc Việt Nam**

Từ năm 2016 đến nay tại cụm làng dân tộc 2, hiện đang đón 6 cộng đồng dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên về tham gia hoạt động hằng ngày tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam: Cộng đồng dân tộc Tà Ôi, Cơ Tu, Ba Na, Xơ Đăng, Raglai, Êđê.

Đối với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam để làm tốt việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể không thể thiếu vai trò của chủ thể văn hóa.

## **2.3. Nguồn lực, cơ sở vật chất và tài chính**

### **2.3.1. Cơ sở hạ tầng**

Với địa hình bán sơn địa có đồi có núi và với tổng diện tích là 1.544 ha, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam có đủ điều kiện về mặt không gian để thực hiện công tác đầu tư cơ sở hạ tầng các làng dân tộc, đường giao thông, nguồn điện nước, bãi đỗ xe, an ninh phòng cháy chữa cháy,...

### **2.3.2. Kế hoạch đầu tư và phát triển**

Năm 2008 Thủ tướng Chính phủ đưa ra *Quyết định số 540/QĐ-TTg* ngày 12/5/2008 về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đến năm 2015 đã xác định mục tiêu đầu tư đến năm 2010 là khai trương Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam với việc hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung và đưa vào hoạt động một phần Khu các làng dân tộc và 2 khu chức năng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

Nguồn vốn để triển khai thực hiện kế hoạch được xác định từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam giai đoạn 2008 - 2015 là 3.256.826 triệu đồng.

### ***2.3.3. Thực trạng triển khai***

Theo tác giả khảo sát thì Làng Văn hoá- Du lịch các dân tộc Việt Nam đã không thực hiện theo trình tự đầu tư các giai đoạn như phân tích ở trên. Mà thực tế, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã triển khai dự án này theo một phương thức khác.

## **2.4. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam**

### ***2.4.1. Nghiên cứu và lựa chọn để phục dựng nhà ở, nhà mồ tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam***

Về các kiến trúc nhà ở, nhà sinh hoạt chung, khu nhà mồ được phục dựng tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã được khảo sát, điền dã tại nhiều địa phương và thành lập hồ sơ cụ thể. Đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo lấy ý kiến các nghệ nhân, già làng, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu sau đó mới cho tiến hành xây dựng theo mẫu đã được Hội đồng khoa học thống nhất đồng ý.

### ***2.4.2. Quá trình tiến hành phục dựng***

Qua bảng thống kê ta có thể thấy không gian văn hóa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên được phục dựng tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam với 40 ngôi nhà ở truyền thống và 11 khu nhà mồ tất cả đều được lựa chọn khảo sát với các địa điểm vùng miền văn hóa của chính cộng đồng dân tộc đó. Khu các làng dân tộc 2 được khánh thành xây dựng từ năm 1999 đến năm 2009 mới xây dựng hoàn thiện về các công trình kiến trúc nhà ở.

### ***2.4.3. Lưu trữ và quản lý các hiện vật trưng bày tại nhà ở và nhà mồ***

Hiện nay tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam có 340 hiện vật do cộng đồng các dân tộc, các nhà nghiên cứu văn hóa hiến tặng cho Làng. Tại cụm Làng II vùng văn hóa Tây Nguyên có gần 100 hiện vật cụ thể như: chiêng, nia, đàn tơ rưng, đỉnh năm, trang phục nam nữ, ché, gùi, mô hình nhà rông, quả bầu khô, cây nêu, rìu,...các hiện vật được chia ra trưng bày tại không gian nhà ở và không gian trưng bày triển lãm tại các khu làng, không gian đón tiếp.

### ***2.4.4. Công tác bảo tồn***

Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chưa xác định được hướng phát triển lâu dài, mới chỉ có được các giải pháp tình thế. Đầu tư đến đâu khai thác đến đó do ngân sách khó khăn. Vừa qua, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam cũng đã rà soát lại các hạng mục, dự án. Hiện nhiều dự án chưa hoàn thành nhưng Ban Quản lý vẫn tìm cách để đưa vào khai thác, vận hành.

Đến thời điểm tác giả khảo sát thì Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã hoàn thành không gian nhà ở của 50 dân tộc, hiện nay có 13 làng có cộng đồng dân tộc tham gia sinh sống hằng ngày, cảnh quan không gian luôn được đảm bảo. Còn một số làng không có nghệ nhân sinh sống vẫn để tình trạng cỏ mọc um tùm, các công trình kiến trúc bị xuống cấp chưa được duy tu, bảo dưỡng kịp thời.

Công tác bảo tồn giá trị văn hóa vật thể của cộng đồng các dân tộc mặc dù đã được Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam quan tâm nhưng vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Công tác quản lý còn yếu kém, các phương pháp đề ra để thực hiện còn thiếu tính khả thi, các chương trình hay đề án đưa ra đã được phê duyệt nhưng còn chưa quyết liệt triển khai thực hiện.

#### **2.4.5. Hoạt động phát huy**

Tính đến nay, tại khu các làng dân tộc 2 đã đón được 72 lượt đồng bào của 6 tỉnh, thành phố và Trường Trung cấp Đam San về tham gia vận hành Làng đã tái hiện lại 43 nghi thức lễ hội, trò chơi dân gian mang đậm nét văn hóa truyền thống như: lễ mừng nhà mới; lễ cúng lúa mới; lễ cầu mưa; lễ tria lúa; lễ cúng bến nước, lễ cưới,....

Kể từ khi đưa vào hoạt động đến năm 2015, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chỉ tổ chức 3 lễ hội thường niên lớn trong năm: Tết Nguyên đán với chủ đề “Sắc xuân trên mọi miền tổ quốc”; ngày 19/4 “Ngày Hội văn hóa các dân tộc Việt Nam”; ngày 23/11 “Ngày Di sản văn hóa Việt Nam – Tuần Đại đoàn kết văn hóa dân tộc”.

Cuối năm 2015 Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã đón một số cộng đồng dân tộc về tham gia hoạt động hằng ngày, lúc đầu chỉ đón thí điểm 2 cộng đồng dân tộc đó là dân tộc Mường (Hòa Bình), dân tộc Thái (Hòa Bình) về sinh sống, cho đến nay tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã đón được 13 cộng đồng dân tộc đại diện cho 3 khu làng về tham gia hoạt động sinh sống hằng ngày tại Làng.

Từ năm 2016 đến nay, tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam ngoài 3 sự kiện thường niên, còn tổ chức các sự kiện theo chủ đề chủ điểm hằng tháng, sự kiện cuối tuần, và sự kiện hằng ngày.

Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chưa thực sự quan tâm tới chất lượng, đa số du khách đến tham quan chỉ coi nơi này là một điểm phụ, các công ty lữ hành thì coi nơi đây như một điểm để rửa tour nên thời gian du khách vào tham quan chỉ khoảng từ 1h - 2h. Một số hoạt động văn hóa được tổ chức với mục tiêu bảo tồn nhưng còn gặp nhiều khó khăn, nặng nề vấn đề hình thức. Bên cạnh đó, các chương trình văn hóa nghệ thuật với mục đích phát huy bản sắc văn hóa dân tộc được tổ chức nhưng chưa thu hút được đông đảo sự quan tâm của du khách.

## **2.5. Hoạt động quản lý gắn với chức năng bảo tàng và chức năng hoạt động văn hóa xã hội.**

Nam Đồi với chức năng bảo tàng: Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chính là nơi giới thiệu không gian văn hóa kiến trúc nhà ở, không gian tâm linh của 54 dân tộc Việt, sưu tầm, trưng bày các hiện vật đặc trưng của mỗi dân tộc mỗi vùng miền.

Chức năng hoạt động văn hóa xã hội: Những giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc anh em được diễn ra tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đều được tái tạo, phục dựng lại dựa trên sự xác định yếu tố văn hóa “gốc” (nơi còn lưu giữ được nhiều các giá trị văn hóa dân gian, truyền thống của từng dân tộc) để từ đó đem đến những hoạt động văn hóa xã hội được diễn ra tại đây như 3 lễ hội thường niên lớn: Ngày hội “Sắc xuân trên mọi miền của tổ quốc”; các hoạt động chào mừng “Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4”; tuần “Đại đoàn kết các dân tộc – Di sản văn hóa Việt Nam”, thu hút nhiều du khách tới tham quan và trải nghiệm. Đặc biệt Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã tổ chức thành công chương trình “Gói bánh chưng xanh cùng người nghèo ăn tết” năm 2018 với nguồn kinh phí huy động 100% xã hội hóa. Chương trình đã trở thành hoạt động thường niên của Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam hướng tới đồng bào các dân tộc có hoàn cảnh khó khăn, chung tay cùng đồng bào đón tết.

Với sự quản lý hoạt động tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam gắn với chức năng bảo tàng và chức năng hoạt động văn hóa xã hội đã có nhiều du khách chọn Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam như một địa chỉ văn hóa cuối tuần để đưa người thân, gia đình cùng trải nghiệm, thêm yêu văn hóa dân tộc, lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc đến với cộng đồng. Cùng góp phần vào việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống trong xu thế tất yếu của quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế, cũng như quá trình đô thị hóa và sự phát triển kinh tế thị trường để chúng ta có thể “hòa nhập” mà không thể “hòa tan”.

## **2.6. Đánh giá công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên**

### **2.6.1. Ưu điểm**

Đảng và Nhà nước ta luôn có những chủ trương, chính sách nhằm ưu tiên, phát triển giá trị văn hóa truyền thống. Nên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo trong quá trình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác được giao; sự phối hợp tương đối chặt chẽ của các đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình tổ chức các hoạt động.



Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam ngày càng thu hút được đông đảo du khách trong nước và quốc tế tới tham quan.

Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam thuộc Hà Nội, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của cả nước, nên có nhiều lợi thế trong việc đón tiếp khách du lịch trong và ngoài nước. Mặt khác, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam nằm trên hành trình du lịch nghỉ dưỡng của một chuỗi các khu du lịch nổi tiếng phía tây Hà Nội như Thác Đa, Rừng quốc gia Ba Vì, Khoang Xanh, Ao Vua,... nên rất thuận lợi để du khách dừng chân tham quan, trải nghiệm.

Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là khu du lịch đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam xây dựng theo mô hình mang tầm cỡ quốc gia tính đến thời điểm hiện tại.

Khả năng tiếp cận điểm đến đã có chuyển biến tích cực với sự hoạt động thường xuyên của tuyến bus 107 từ cuối năm 2017 với hướng di chuyển từ Kim Mã – Trần Duy Hưng – Đại Lộ Thăng Long – Khu Công nghệ cao Láng Hoà Lạc – Quốc lộ 21 – Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam (Khu hành chính đón tiếp). Đáp ứng được nhu cầu di chuyển cho du khách là đối tượng người già, học sinh, sinh viên,... từ trung tâm Hà Nội đến với Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam

### **2.6.2. Hạn chế**

Sự thiếu đồng bộ giữa không gian văn hóa, cảnh quan, dịch vụ và hạ tầng do vừa tiếp tục đầu tư xây dựng, vừa khai thác vận hành. Đa số tài sản đang quản lý, vận hành tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam chưa được bàn giao đồng bộ nên việc triển khai tổ chức công tác duy tu, bảo dưỡng, tổ chức các dịch vụ, hoạt động còn gặp khó khăn. Do nguồn vốn đầu tư ban đầu là 3.258,6 tỷ đồng, nhưng cho đến nay dự án mới nhận được 50% số vốn đầu tư.

Hạ tầng kỹ thuật thiếu đồng bộ gây khó khăn cho công tác quản lý, vận hành.

Việc khớp nối giữa hoạt động dịch vụ, du lịch với thị trường, đối tượng khách du lịch bước đầu đã được tăng cường, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và thực tế.

Một số phát sinh trong hoạt động hằng ngày của đồng bào dân tộc tuy đã được quan tâm, nhưng còn thiếu kịp thời và điều chỉnh phù hợp thực tế.

Hoạt động đón khách, giao tiếp, giới thiệu văn hóa của chính chủ thể văn hóa chưa đạt hiệu quả cao, thậm chí còn yếu kém.

Công tác duy tu bảo dưỡng các công trình nhà dân tộc còn gặp khó khăn, nhất là vào thời điểm có mưa bão, giông lốc.

Việc xây dựng các công trình hạ tầng không phù hợp như các nhà dịch vụ, hộp phòng cháy chữa cháy, các nhà vệ sinh hay hệ thống giao

thông nội bộ với vật liệu không phù hợp và chất lượng không đảm bảo cũng ảnh hưởng rất nhiều đến cảnh quan văn hóa dân tộc.

Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã đưa vào hoạt động từ năm 2010 cho đến nay vẫn không kêu gọi được các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Lực lượng cán bộ chuyên môn còn thiếu, tâm lý chưa yên tâm công tác gây ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả, chất lượng công việc.

Số lượng nghệ nhân được phong tặng danh hiệu đến tham gia hoạt động tại Làng còn ít, vẫn có các nghệ nhân trẻ chưa thực sự hiểu hết được văn hóa của chính dân tộc mình.

### ***Tiểu kết***

Trong chương 2, luận văn trình bày một số giá trị tiêu biểu của văn hóa vật thể các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên; làm rõ vai trò của các chủ thể quản lí: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lí Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam và cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Luận văn cũng làm rõ thực trạng hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể hiện nay tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

### **Chương 3**

## **GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA VẬT THỂ VÙNG TRƯỜNG SƠN - TÂY NGUYÊN TẠI LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM**

### **3.1. Những vấn đề đặt ra**

Trong năm 2019 cần khẩn trương hoàn thiện đề án chuyển đổi mô hình nhằm ổn định tổ chức và nhân lực để Làng đi vào hoạt động tốt hơn.

Để đạt được hiệu quả tốt nhất cho việc gìn giữ, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, cần gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch.

Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam cần đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, phân đấu lựa chọn được nhà đầu tư lớn thực hiện dự án đầu tư vào các khu chức năng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Trích kinh phí từ nguồn thu để tái đầu tư phục vụ các hoạt động trong đó đặc biệt là hoạt động quảng bá sản phẩm du lịch, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật và tổ chức sự kiện; tăng cường chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ công nhân viên tạo động lực tăng năng suất lao động.

Cần phải khẳng định rằng, khác với các bảo tàng và những khu du lịch đơn thuần, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam là sự kết hợp giữa cảnh quan, không gian của từng ngôi làng, các công trình văn hóa đặc trưng vùng miền cùng với hoạt động sống, sinh hoạt cộng đồng của các dân tộc tạo nên sự hấp dẫn cho du khách.

Thực hiện tốt mục tiêu xây dựng Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam trở thành trung tâm hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch mang tính quốc gia.

### **3.2. Dự báo xu hướng vận động và phát triển của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam trong thời gian tới.**

Năm 2018 là năm ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục gặt hái nhiều thành công và đạt được những mục tiêu ấn tượng. Đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam, năm vừa qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành vượt mức kế hoạch công tác, đạt được những kết quả quan trọng; việc vận hành, khai thác Khu các làng dân tộc tiếp tục được chú trọng với nhiều hoạt động phong phú, có chiều sâu, góp phần thu hút khách tham quan và khai thác có hiệu quả hơn không gian văn hóa các dân tộc. năm 2018 Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã đạt gần 600.000 khách tham quan, tăng trưởng khoảng 30% so với năm 2017. Qua kết quả đó ta có thể thấy Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam sẽ ngày một phát triển thu hút du khách đến tham quan, để phát triển hơn nữa Làng Văn hóa – Du lịch các

dân tộc Việt Nam cần xây dựng sản phẩm du lịch nhằm tạo sự khác biệt, đáp ứng thị hiếu và phù hợp với nhu cầu của du khách, đặc biệt là đối tượng học sinh, người lớn; góp phần giới thiệu các tour trọn gói, thu hút khách tham quan; phấn đấu đạt chỉ tiêu 650.000 lượt khách năm 2019.

Sản phẩm du lịch tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam phải mang tính khác biệt, độc đáo và đặc sắc phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thu hút các đối tượng du khách, mở rộng thị trường du lịch, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của Làng để phát triển bền vững.

Việc nhận diện những xu hướng phát triển là cơ sở để Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam có đường lối và chính sách đúng đắn trong bảo tồn, phát huy văn hóa và phát triển du lịch.

### **3.3. Nhóm giải pháp đối với chủ thể quản lý**

#### **3.3.1. Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam**

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên gắn với việc phát triển du lịch tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Xây dựng các cơ chế và tiêu chuẩn phù hợp với đặc thù của cơ quan, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu văn hóa, có đủ trình độ, năng lực trên lĩnh vực được phân công.

Các nhà quản lý cần quan tâm tăng mức đầu tư kinh phí cho việc bảo tồn trùng tu và phục dựng những không gian văn hóa vật thể truyền thống.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá.

Tiến hành các thủ tục thu hút đầu tư: Kêu gọi đầu tư thông qua các Bộ, Ngành, các tổ chức liên quan

Tạo cơ chế để điều tra, nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hóa vật thể của cộng đồng các dân tộc đưa ra những kết luận có cơ sở khoa học, thuyết phục làm luận cứ để bảo tồn.

#### **3.3.2. Ban Quản lý Khu các làng dân tộc**

Hoàn thiện sản phẩm du lịch đặc thù

Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhiệm vụ được giao nhằm thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác năm 2019.

Tổ chức các cuộc thi, sưu tầm, nghiên cứu về văn hóa dân tộc; tổ chức đào tạo cán bộ nghiên cứu là người dân tộc tại chỗ,..

Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định, quy chế để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của đơn vị trong đó có cơ chế phối hợp với địa phương để tổ chức hoạt động, chính sách xã hội hóa, thu hút đầu tư cải thiện chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu khách du lịch.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động để nâng cao hiệu quả công việc đặc biệt liên quan đến công tác tuyên truyền, quảng bá.

Thường xuyên đảm bảo công tác vệ sinh môi trường cảnh quan, cây xanh sạch đẹp phục vụ khách tham quan.

Triển khai phương án bảo vệ, phương án phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch bảo dưỡng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tăng cường các hoạt động hằng ngày, sự kiện và dịch vụ.

Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất một số không gian tổ chức dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách du lịch.

Tiếp tục nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý thu phí tham quan theo quy định và thực tế.

### **3.3.3. Chủ thể văn hóa**

Cần phát huy vai trò của người dân trong xây dựng quy ước gìn giữ bảo tồn văn hóa, quy ước phục vụ khách du lịch, góp phần khơi dậy những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình. Già làng có vai trò hết sức quan trọng, cần phải phát huy đội ngũ này trong vấn đề bảo tồn và phát huy.

Văn hóa vật thể chính là trung tâm, là đối tượng, là nguồn tài nguyên quý giá của văn hóa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Chúng không những cần được gìn giữ, không để mai một, mất đi mà còn cần phải làm cho chúng phong phú thêm, giàu có thêm trong đời sống đương đại. Trong bối cảnh phát triển xã hội ngày nay, nguồn tài nguyên này cần được phát huy theo nhiều cách trong đó có cách biến chúng thành các sản phẩm du lịch phục vụ du khách tham quan. Lợi ích thu được từ du lịch một phần nhằm cải thiện đời sống cho chính cộng đồng dân tộc hiện đang tham gia hoạt động sinh sống hằng ngày tại Làng, một phần được trích ra để phát huy bảo tồn các hoạt động văn hóa khác như: tổ chức dân ca dân vũ, các trò chơi dân gian,... Như vậy, mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy là mối quan hệ tương tác giữa hai mục tiêu: bảo tồn để phát huy và phát huy để bảo tồn.

## **3.4. Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách**

### **3.4.1. Chính sách quản lý**

Điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam sao cho phù hợp với tính đặc thù là nơi gìn giữ, bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc Việt Nam.

Thực hiện những nội dung và hoạt động đã được phê duyệt, kịp thời báo cáo những khó khăn bất cập trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ giúp các hoạt động của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam gắn với nhu cầu của du khách.

Thay đổi nhận thức về cơ chế quản lý, tổ chức.

Cần phải tiến hành những cuộc kiểm kê, kiểm tra, quản lý và có những chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa từ cán bộ đến các cộng đồng dân tộc tham gia hoạt động tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

### **3.4.2. Chính sách hoạt động**

Cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức cho cộng đồng các dân tộc đang tham gia hoạt động hằng ngày tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam về việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể của họ.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao ý thức tôn trọng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt đối với thế hệ trẻ cộng đồng dân tộc Tây Nguyên.

Thường xuyên chú trọng tới việc phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch, hội nghị, hội thảo.

Tổ chức kiểm tra, sưu tầm, bảo tồn các hiện vật có giá trị như: chiêng, ché, trống, ghè k'pan,...

Khai thác, phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các hoạt động văn hóa liên quan đến văn hóa vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung để chống lại các hiện tượng tiêu cực, thương mại hóa.

Tăng cường hợp tác, giao lưu văn hóa để quảng bá văn hóa các dân tộc trong phạm vi trong nước và quốc tế, nhằm xây dựng các chương trình nghiên cứu, bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam một cách hiệu quả.

### **3.4.3. Chính sách chủ thể văn hóa**

Cần tạo lập hệ thống chính sách nhằm khích lệ cộng đồng dân tộc đang tham gia hoạt động tại Làng chủ động tạo ra các sản phẩm từ đời sống văn hóa của họ để phát triển du lịch.

Xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể về chương trình hoạt động, chế độ đãi ngộ với các địa phương mà Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam mời về tham gia hoạt động theo hình thức luân phiên, đặc biệt là hoạt động theo hình thức sinh sống hằng ngày của các làng để từ đó tạo ra các sản phẩm đa dạng, đặc trưng của dân tộc, vùng miền tạo nên bức tranh đa dạng, phong phú mang sắc thái văn hóa Việt Nam.

Cần hỗ trợ 100% chi phí đi lại, ăn nghỉ cho các nghệ nhân về tham gia hoạt động luân phiên cũng như hằng ngày tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam bằng nguồn ngân sách nhà nước. Đưa ra các chính sách khích lệ phát triển nghề truyền thống của dân tộc mình đối với cộng đồng các dân tộc tham gia sinh sống hằng ngày để làm ra các sản phẩm đặc trưng từ đó nhằm tăng thêm thu nhập để đảm bảo đời sống cho đồng bào dân tộc. Có cơ chế đãi ngộ cho các nghệ nhân uy tín khi về tham gia hoạt động và sinh sống tại Làng.

Tổ chức các hoạt động biểu diễn văn hóa, văn nghệ truyền thống của các cộng đồng dân tộc tới du khách trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh hoạt động tại nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng của 13 dân tộc đang sinh sống tại Làng để tạo nên một sân chơi lành mạnh cho cộng đồng dân tộc; Tăng cường giao lưu, tạo nên sự gắn kết cộng đồng, và đoàn kết giữa các dân tộc anh em.

### **3.5. Nhóm giải pháp về nguồn lực**

#### **3.5.1. Tổ chức cán bộ**

Nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý trong việc đào tạo nguồn nhân lực tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Kiên toàn tổ chức, bổ sung cán bộ, viên chức và người lao động đặc biệt là nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao.

Mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, để nâng cao nhận thức, nghiệp vụ về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam.

Luôn đánh giá đúng đắn năng lực và tạo điều kiện cho các khả năng sáng tạo được sử dụng và phát triển đối với cán bộ, nhân viên, cộng đồng dân tộc. Có chế độ đãi ngộ xứng đáng với công lao đóng góp của họ.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động, quan tâm cải thiện từng bước đời sống viên chức, người lao động.

#### **3.5.2. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất**

Duy trì, nâng cấp, hoàn thiện cảnh quan, đảm bảo môi trường: Nghiên cứu xây dựng hạ tầng cảnh quan phù hợp với du lịch và văn hóa dân tộc; Ưu tiên hoàn thiện cảnh quan các tuyến điểm tham quan và các làng dân tộc hoạt động hằng ngày.

Tổ chức công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình xây dựng hạ tầng, cảnh quan đã tiếp nhận bàn giao, quản lý khai thác hiệu quả, ưu tiên tuyến điểm du lịch.

Tiếp nhận bàn giao các công trình xây dựng đã hoàn thành từ các Ban Đầu tư Xây dựng và quản lý vận hành, khai thác hiệu quả đúng mục đích, theo quy định.

Bổ sung nâng cấp các điều kiện hạ tầng, tiện nghi phục vụ khách du lịch.

#### **3.5.3. Huy động nguồn vốn đầu tư**

Huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngoài ngân sách nhà nước cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, đồng thời đảm bảo gắn với nhu cầu phát triển du lịch.

Đa dạng hóa các loại hình đầu tư, tạo cơ chế thuận lợi cho các dự án đầu tư hạ tầng, kỹ thuật.

Đẩy mạnh xúc tiến thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, vốn của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tạo cơ chế để Ban Quản lý Khu các làng dân tộc là một đơn vị sự nghiệp có thu, tự chủ, tự hoạch toán kinh tế, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của mình đúng như mục tiêu khi thành lập.

Tăng cường thu hút đầu tư, liên kết, xã hội hóa vào các quỹ tài sản để khai thác dịch vụ.

### **3.6. Nhóm giải pháp tổ chức các hoạt động**

#### **3.6.1. Phát huy vai trò của cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên**

Phối hợp với các địa phương phát huy lợi thế văn hóa cộng đồng các dân tộc hoạt động hằng ngày để giới thiệu tới khách du lịch.

Tổ chức gắn kết chặt chẽ với hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể với giá trị văn hóa phi vật thể của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Tiếp tục triển khai công tác huy động cộng đồng các dân tộc về tham gia hoạt động hằng ngày, tổ chức các chương trình phù hợp cho các hoạt động thường ngày; các hoạt động chuyên đề theo tháng, quý, năm, hoạt động điểm nhấn.

Đẩy mạnh công tác tổ chức các hoạt động hằng ngày tại không gian các làng dân tộc theo hình thức liên kết và xã hội hóa phát huy ưu thế sẵn có của các địa phương có các chủ thể văn hóa tham gia hoạt động hằng ngày tại Làng.

#### **3.5.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên gắn với hoạt động du lịch**

Muốn Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam phát triển bền vững thì việc kết hợp hài hòa giữa bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch cần phải chặt chẽ.

Triển khai quảng bá, xúc tiến du lịch qua các kênh đa dạng theo thị hiếu khách du lịch bằng các hình thức phù hợp.

Liên kết, kết nối với các công ty lữ hành, Hiệp hội du lịch, Sở Du lịch Hà Nội, đối tác, điểm du lịch phụ cận, điểm du lịch của các địa phương.

Tổ chức đào tạo, hướng dẫn cộng đồng các dân tộc cách thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, nâng cao nhận thức về du lịch, biết cách khai thác những giá trị văn hóa dân tộc để phát triển du lịch

Tiếp tục triển khai tốt sản phẩm du lịch “Một ngày bản buôn” và sản phẩm du lịch “Mái trường yêu dấu” thu hút được thị hiếu khách du lịch. Bổ xung các đa dạng hóa mặt hàng lưu niệm gắn với văn hóa của 54 dân tộc Việt Nam.



Tham gia Hội chợ du lịch quốc tế, triển khai quảng bá giới thiệu sản phẩm du lịch hằng năm của Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam với các công ty lữ hành, sự kiện trong và ngoài nước.

Khai thác triệt để phương án kinh doanh dịch vụ, phát huy tối đa các dịch vụ xã hội hóa đã có đáp ứng được một phần nhu cầu khách du lịch

### **3.5.3 *Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra***

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý dứt điểm, kịp thời các tổ chức, cá nhân lợi dụng việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan hoặc thực hiện những hành vi trái pháp luật, trái với thuần phong, mỹ tục.

Phòng Nghiệp vụ – Tổ chức sự kiện cần phải thường xuyên giám sát các hoạt động văn hóa diễn ra tại các Làng dân tộc có nghệ nhân đang tham gia hoạt động, sinh sống hằng ngày, để đảm bảo các nội dung hoạt động trở nên phong phú đa dạng và đúng với văn hóa truyền thống.

Phòng Hạ tầng kỹ thuật đẩy mạnh công tác kiểm tra về cơ sở hạ tầng như đường điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy, kiến trúc không gian văn hóa để kịp thời xử lý các hiện tượng xuống cấp, chống mối mọt.

Trung tâm Dịch vụ Văn hóa – Du lịch cần thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định về bảo vệ an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, giá cả các mặt hàng cần phải được niêm yết công khai tại các khu dịch vụ.

### **3.5.4. *Công tác thi đua khen thưởng***

Tổ chức các phong trào thi đua về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, để thu hút, sự tham gia của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng các dân tộc đang tham gia hoạt động sinh sống hằng ngày tại Làng góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hoạt động khen thưởng, biểu dương cần phải được thực hiện thường xuyên định kỳ, hằng năm có sự tổng kết đánh giá các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể.

### ***Tiểu kết***

Trong chương này, tác giả đưa ra những đề xuất, giải pháp cụ thể về việc quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn phát triển du lịch.

Thực hiện tốt các nhóm giải pháp sẽ có tác động tích cực trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị vật thể tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam trong những năm tiếp theo.

## KẾT LUẬN

Trong những năm qua, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam đã được Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam triển khai thực hiện, và đạt được những kết quả tích cực. Những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn – Tây Nguyên được khôi phục, phục dựng và bảo tồn đã trở thành những tài sản quý báu cho Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam trong việc khai thác giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc để phát triển du lịch.

Tuy nhiên, dưới góc nhìn của khoa học quản lý văn hóa có thể nói vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam bên cạnh một số kết quả tích cực vẫn còn nhiều vấn đề bất cập, hạn chế cần được tổng kết đánh giá để có chính sách quản lý phù hợp cho giai đoạn tiếp theo. Qua tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên tại Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam, theo học viên, giai đoạn tới Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam không chỉ có tầm nhìn thời đại, có chiến lược thực tiễn phù hợp mà cần chỉ ra được các giải pháp cụ thể như: Nâng cao nhận thức của các cấp ban ngành và cộng đồng các dân tộc về việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch; Hoàn thiện cơ chế chính sách; Đầu tư cơ sở hạ tầng văn hóa và du lịch; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá và phát triển sản phẩm du lịch; Giải pháp phát huy vai trò của chủ thể văn hóa, và giải pháp thanh tra kiểm tra.

Hy vọng, với những giải pháp cụ thể, phù hợp, tích cực, những giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn – Tây Nguyên được lưu giữ, bảo tồn và phát huy không bị mai một và trường tồn cùng thời gian; Qua đó góp thêm một sản phẩm du lịch văn hóa cho Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam, góp phần thắng lợi vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể vùng Trường Sơn - Tây Nguyên trong thời kỳ hiện nay không còn là nhiệm vụ riêng của Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam hay cộng đồng các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, mà là vấn đề đặt ra cho các Bộ ngành liên quan, từ Trung ương đến địa phương cũng như tất cả người dân Việt Nam phải có nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm và hành động thiết thực đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa vật thể để nét đẹp văn hóa mãi được lưu truyền.